

Bản án số: 04/2017/HC-ST

Ngày 05/7/2017.

V/v khiếu kiện QĐHC trong lĩnh

vực bồi thường khi thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lang Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Lý.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2017 và ngày 05/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 13/2016/HCST ngày 01/11/2016 về việc hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường khi thu hồi đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10 /2017/QĐST- HC ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Hữu Đ - Sinh 1964.

Trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Phạm Thị H (vợ ông Đ). – Sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An - Ông Đinh Văn Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Sỹ Hải - Chức vụ: Phó Chủ tịch. (theo Quyết định số 1278/GUQ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện ND về việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án) - Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thạc D - Chức vụ: Chủ tịch. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Bà Phạm Thị H – Sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện dự án củng cố nâng cấp tuyến đê Tả Lam đoạn qua huyện ND, tỉnh Nghệ An. Ủy ban nhân dân huyện ND đã ban hành Quyết định số

2512/QĐ.UBND ngày 11/5/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ diện tích 395m² đất bị thu hồi với số tiền 19.750.000đ cho Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Theo bản đồ đo đạc năm 2007 là các thửa 248, 249 tờ bản đồ số 12 và thửa số 418, tờ bản đồ số 13 thuộc xứ đồng Bàu (của ông Kiều xóm 3). Theo trích đo số DC06 phục vụ cho công tác bồi thường GPMB là các thửa 88, 89, 90 có tổng diện tích 1.666 m²;

Ngày 24/6/2015, ông Trần Hữu Đ có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện ND về việc ông không được bồi thường diện tích đất trên. Chủ tịch UBND huyện ND ban hành Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Đ có nội dung: *Ông Trần Hữu Đ khiếu nại gia đình ông không được đưa vào danh sách bồi thường GPMB dự án củng cố, nâng cấp tuyến đê Tả Lam. Cụ thể là không lập hồ sơ bồi thường đất nông nghiệp tại các thửa đất số 248, 249 tờ bản đồ số 12 và thửa số 418, tờ bản đồ số 13 theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2007 thuộc xứ đồng Bàu (Của ông Kiều xóm 3) là khiếu nại sai...*

Ngày 01/7/2016, ông Trần Hữu Đ có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Đ. Lý do khởi kiện theo ông Trần Hữu Đ trình bày: Nguồn gốc các thửa đất có diện tích 1.701m² tại Cửa ông Kiều xóm 3 được xóm giao cho gia đình sản xuất từ năm 1998 (do chuyển đổi từ 1.701m² ở ruộng cầu Kiều sang). Đến năm 2015 có dự án đi qua, đất bị thu hồi nhưng gia đình ông không có tên trong danh sách được đền bù đã làm thiệt hại đến quyền lợi của gia đình. Đề nghị Tòa xem xét để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình.

Phía người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND trình bày: Tại Quyết định số 2511/QĐ.UBND ngày 11/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện ND đã thu hồi đất để thực hiện dự án củng cố nâng cấp tuyến đê Tả Lam đoạn qua huyện ND và lập phương án bồi thường. Tại Quyết định số 2512/QĐ.UBND ngày 11/5/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ diện tích 395m² với số tiền 19.750.000đ cho Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, Nghệ An tại các thửa số 248, 249 tờ bản đồ số 12 và thửa số 418, tờ bản đồ số 13 theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2007 thuộc xứ đồng Bàu (của ông Kiều xóm 3). Gia đình ông Đ không có đất bị thu hồi để thực hiện dự án đê Tả Lam. Vì theo phương án chuyển đổi ruộng đất năm 2013 và sổ quy chủ sau giao đất thì hộ gia đình ông Đ không được giao đất sản xuất tại vị trí vùng Bàu (Cửa ông Kiều xóm 3) ở các thửa đất 248, 249, 418 nêu trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Hữu Đ.

Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND nhất trí với quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An. Theo phương án chuyển đổi ruộng đất năm 2013, thì hộ ông Trần Hữu Đ có 04 khẩu đất nông nghiệp, quá trình chuyển đổi thì gia đình ông Đ được giao 02 vị trí là vùng Ao pheo có diện tích 1.871m² và vùng Cầu Kiều có diện tích 824m². Tổng diện tích là 2.693m². Bình quân mỗi khẩu 673m² (cao hơn mức bình quân xóm 1 là 515m²/khẩu). Ngoài ra ông Đ không

được giao thêm đất ở vùng khác nên đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Hữu Đ.

Bà Phạm Thị H nhất trí với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Đ. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình đối thoại và tại phiên toà, ông Trần Hữu Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 30; điều 32; điểm a khoản 2 điều 116; điểm a khoản 2 điều 193 Luật tố tụng Hành chính; điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, điều 18, điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 34 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án để xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Đ. Ông Trần Hữu Đ phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các đương sự, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện ND, tỉnh Nghệ An là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án Hành chính theo khoản 1 điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/7/2016, ông Trần Hữu Đ có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đối với Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 là đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng khoản 4 điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND bị khởi kiện thấy rằng:

3.1 Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Hữu Đ về việc gia đình ông không được đưa vào danh sách bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng nâng cấp đê Tả

Lam. UBND huyện ND đã ban hành Quyết định số 5047/QĐ.UBND ngày 28/7/2015 về việc thành lập đoàn thanh tra để xác minh nội dung đơn khiếu nại. Trên cơ sở kết quả thanh tra, Chủ tịch UBND huyện ND đã ban hành Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Đ là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và điều 17, điều 18, điều 31 Luật Khiếu nại.

3.2 Về cơ sở pháp lý: Về nguồn gốc, vị trí khu đất mà ông Trần Hữu Đ yêu cầu được bồi thường: Thực hiện Nghị định 64/CP, gia đình ông Đ được giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định trong đó có diện tích 132m² vùng Bàu và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 998562 ngày 28/3/1996. Đến năm 1998, do có dự án mở rộng đê Tả Lam, để tránh đền Thàn Trụ nên làm ảnh hưởng diện tích 1.701m² đất sản xuất nông nghiệp vùng Bàu của 04 hộ gia đình, trong đó có hộ ông Trần Hữu Đ. 04 hộ này không được bồi thường mà được đổi đất sản xuất sang vùng khác là địa danh Vùng Bàu (Cửa ông Kiều xóm 3) và sản xuất từ năm 1998 đến trước năm 2013.

Theo bản đồ đo đạc năm 2007, vùng Cửa ông Kiều xóm 3 thể hiện bao gồm các thửa 418, tờ bản đồ số 13; thửa số 248, 249 tờ bản đồ số 12 có tổng diện tích 1.701m², mục đích sử dụng đất trồng màu. Theo trích đo số DC06 phục vụ cho công tác bồi thường GPMB là các thửa 88, 89, 90 có tổng diện tích 1.666 m². Trước khi chuyển đổi ruộng đất năm 2013 thì vùng này thuộc quyền sử dụng của 04 hộ dân xóm 1, xã XL sản xuất gồm: hộ ông Trần Hữu Đ, hộ ông Phạm Văn Hoát, hộ ông Trần Hữu Nghi, hộ bà Nguyễn Thị Phương. Các hộ làm chung không chia cụ thể về diện tích sử dụng mỗi phần mỗi hộ tương đương 425m². Vị trí phân đất ông Đ được xác định ngoài thực địa và trên bản đồ là thửa 418, tờ bản đồ số 13.

Thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất theo Chỉ thị 08/CT-TU ngày 08/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về việc đẩy mạnh cuộc vận động nông dân “Dồn điền đổi thửa” và khuyến khích tích tụ ruộng đất; UBND xã XL đã xây dựng đề án số 03/ĐA-UBND và được UBND huyện ND phê duyệt tại Quyết định số 5803/QĐ-UBND ngày 30/10/2013. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã XL đã ban hành Thông báo số 68/TB-UBND ngày 29/9/2013 về việc Ủy ban nhân dân xã tạm thời quản lý đất nông nghiệp để thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp xã XL từ 01/10/2013 đến 15/12/2013 tại vùng Đồng và vùng Bàu. Ủy ban nhân dân xã XL đã triển khai thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất tại các xóm. Tại xóm 1, theo phương án chuyển đổi, gia đình ông Trần Hữu Đ có 04 khẩu đất nông nghiệp, gia đình được giao 02 vị trí : Vùng Ao pheo có diện tích 1871m² và vùng Bàu Cầu Kiều phía trên diện tích 824m². Tổng 2.695m².

Như vậy, sau khi chuyển đổi ruộng đất năm 2013 thì hộ ông Trần Hữu Đ và các hộ khác không được giao khu đất Cửa ông Kiều xóm 3 để sản xuất. Trên bản đồ địa chính sau khi chuyển đổi ruộng đất năm 2013 thể hiện khu đất Cửa ông Kiều xóm 3 diện tích 1666m² là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã XL quản lý. Do đó, khi thực hiện dự án đê Tả Lam, Hội đồng bồi thường không lập

phương án bồi thường đối với diện tích đất thu hồi 395m² trong tổng diện tích 1.666m² cho hộ ông Trần Hữu Đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông Trần Hữu Đ cho rằng ông vẫn tiếp tục sản xuất trên đất vùng Cửa ông Kiều xóm 3 và vẫn thuộc quyền sử dụng của ông nên ông phải được bồi thường là không có cơ sở. Xét thấy: Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Đ.

[4] Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Hữu Đ phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30; điều 32; điểm a khoản 2 điều 116; điểm a khoản 2 điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ điều 17, điều 18, điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Đ đề nghị hủy bỏ Quyết định số 9197/QĐ.UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ND , tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Đ.

Về án phí: Án phí Hành chính sơ thẩm ông Trần Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000đ do ông Trần Hữu Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000164 ngày 20/12/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Người khởi kiện, Đại diện hợp pháp cho người khởi kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên TAND cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lang Thị Duyên

Quá trình đối thoại, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên toà, Ông Nguyễn Tân Phúc vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKS có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật và xử bác yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của VKS và các đương sự.

XÉT THẤY

Về Đối tượng khởi kiện: Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An bị là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai. Quyết định này có chứa đựng nội dung của Quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 điều 30; điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016:

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện thấy rằng: Thực hiện dự án đường điện 220 KV Thanh Hóa – Vinh (mạch 2), UBND huyện Diễn Châu, Nghệ An đã ban hành các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ *hạn chế khả năng sử dụng đất* đối với diện tích 287,9m² đất của ông Nguyễn Xuân Quang và ông Nguyễn Xuân Thu bị ảnh hưởng bởi dự án (Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 02/8/2013; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 và Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11/4/2014). Trong đó, UBND huyện Diễn Châu đã xác định bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang diện tích 11,2m² mức giá đất ở và 276,7m² còn lại mức giá đất vườn. Không nhất trí nên ông Thu và ông Quang (ủy quyền cho ông Thu) có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu ban hành Quyết định số 17/QĐ - UBND ngày 07/01/2016 giải quyết khiếu nại (*lần đầu*). Không đồng ý nên ông Thu tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Sau khi thành lập đoàn kiểm tra xác minh lại việc khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân Thu (lần 2). Xét thấy: Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại và điều 204 Luật đất đai năm 2013.

- Về nội dung Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 bị khởi kiện thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất 345 mang tên ông Nguyễn Xuân Thu và thửa đất 346 mang tên ông Nguyễn Xuân Quang được tách ra từ thửa đất mà ông Thu mua của UBND xã Diễn Đoài năm 1995 (thể hiện tại phiếu thu số 01 ngày 30/01/1995), đến năm 1999 được UBND huyện Diễn Châu đã cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Xuân Quang (tại thửa số 32a, tờ bản đồ số 113-59 với mục đích sử dụng là đất 2 lúa, thời hạn sử dụng 20 năm). Năm 2004, ông Thu nộp cho UBND xã Diễn Đoài số tiền 7.200.000đ (thể hiện tại phiếu thu số 16

ngày 30/12/2004 mang tên Nguyễn Xuân Quang số tiền 4.200.000đ; Phiếu thu số 15 ngày 30/12/2004 mang tên Nguyễn Xuân Thu số tiền 3.000.000đ, lý do nộp chuyển đất 20 năm thành đất ở lâu dài). Tại Quyết định số 635/QĐ.UBND ngày 07/6/2005 của UBND huyện Diễn Châu về việc giao đất và cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình cá nhân xã Diễn Đoài thể hiện: Ông Nguyễn Xuân Thu thửa số 345, tờ bản đồ số 113-59, diện tích 500m² (đất ở là 125m², đất vườn là 375m²); Ông Nguyễn Xuân Quang thửa đất số 346, tờ bản đồ số 113-59, diện tích 500m² (đất ở là 125m², đất vườn là 375m²) thuộc xóm 14, xã Diễn Đoài, huyện Diễn Châu, Nghệ An.

Khi thực hiện dự án đường điện 220KV Thanh Hóa - Vinh (mạch 2) thì gia đình ông Thu và ông Quang bị hạn chế khả năng sử dụng đất do ảnh hưởng dự án với diện tích 287,9m². Tại Biên bản làm việc ngày 29/5/2014 giữa Hội đồng bồi thường với gia đình ông Nguyễn Xuân Thu đã xác định diện tích đất của ông Thu (thửa số 345) bị ảnh hưởng là 6m²; Ông Quang (thửa số 346) bị ảnh hưởng là 281,9m² (Nội dung biên bản này ông Thu và ông Quang đã thống nhất trong quá trình làm việc tại Tòa án). Ông Thu cho rằng: Ông đã nộp tiền sử dụng đất 02 lần cho UBND xã Diễn Đoài để được cấp đất ở nên toàn bộ diện tích đất của ông và ông Quang là đất ở theo điều 83 Luật đất đai năm 2003. Do đó, phải được bồi thường mức giá đất ở theo mục 5.1 phần II Thông tư 116/BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Tài chính và khoản 2 điều 14 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An.

Tuy nhiên, căn cứ vào GCNQSD đất được UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 07/6/2005 cho ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang thể hiện: đất ông Nguyễn Xuân Thu tại thửa đất số 345 có diện tích 500m² (trong đó đất ở là 125m², đất vườn là 375m²); đất ông Nguyễn Xuân Quang tại thửa đất số 346, có diện tích 500m² (đất ở là 125m², đất vườn là 375m²) thuộc xóm 14, xã Diễn Đoài, huyện Diễn Châu, Nghệ An. Từ thời điểm nhận GCNQSD đất (năm 2005) đến nay, ông Thu và ông Quang không có khiếu nại về diện tích và mục đích sử dụng trong GCNQSD đất. Nguồn gốc đất của ông Thu và ông Quang hình thành sau ngày 18/12/1980 và được cấp GCNQSD đất công nhận hạn mức đất ở là 125m².

Theo điều 87 Luật Đất đai năm 2003 về xác định diện tích đất ở trong trường hợp có vườn, ao quy định “ 1. Đất vườn, ao được xác định là đất ở phải trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư”. Hiện trạng hai thửa đất của ông Thu và ông Quang chưa xây dựng công trình nhà ở mà đang sử dụng trồng lúa.

Tại điểm b khoản 2 điều 16 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định bồi thường đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang an toàn bảo vệ. “ b, Không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền theo mức thiệt hại thực tế...”. Căn cứ vào khoản 2 điều 14 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của UBND tỉnh Nghệ An quy định “ Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nhà ở, công trình đủ điều kiện tồn tại và sử dụng hành lang bảo vệ an toàn công trình) nhưng làm

hạn chế khả năng sử dụng đất được hỗ trợ bằng 50% giá đất quy định theo mục đích sử dụng đất nhân với diện tích bị hạn chế khả năng sử dụng”.

Ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang không bị Nhà nước thu hồi đất mà chỉ bị hạn chế khả năng sử dụng đất. Hiện tại hai thửa đất ông Thu và ông Quang chưa xây dựng công trình nên diện tích 287,9m² không ảnh hưởng diện tích 125m² đất ở và không vượt quá diện tích đất nông nghiệp (đất vườn 375m²) trong cùng thửa đất được cấp GCNQSD đất cho ông Quang và ông Thu.

Cho nên, tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng (Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 02/8/2013, Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 và Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11/4/2014) của UBND huyện Diễn Châu đã xác định 11,2m² đất (nằm ngoài hành lang Quốc lộ 48) bị hạn chế khả năng sử dụng đất để hỗ trợ mức giá đất ở cho ông Nguyễn Xuân Thu là chưa chính xác. Xét thấy Quyết định số 1500/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân Thu là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Xuân Quang không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

Căn cứ khoản 1 điều 30; điều 32; điểm a khoản 2 điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Luật 52, điều 83; điều 87 đất đai năm 2003; điểm b khoản 2 điều 16 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Khoản 2 điều 14 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của UBND tỉnh Nghệ An; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Thu (Nguyễn Văn Thu) và ông Nguyễn Đ Quang (Nguyễn Xuân Quang) đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định 1500/QĐ-UBND KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An và yêu cầu phải lập phương án bồi thường 287,9m² theo giá đất ở.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Thu và ông Nguyễn Đ Quang mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ 200.000đ tạm ứng án phí ông Thu đã nộp và 200.000đ tạm ứng án phí ông Quang đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (tại biên lai số 0006513 ngày 11/5/2016 và biên lai thu tiền số 0002486 ngày 03/10/2016).

Người khởi kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên TAND cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lang Thị Duyên